TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-PT
Ngày: 22/9/2020
"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.
Các Thẩm phán: Ông Đinh Viết Nam;
Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2020/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 28/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/QĐPT - KDTM ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P; địa chỉ: Số 493 L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị L - Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng M - Luật sư, Chi nhánh Công ty luật TNHH 02 thành viên B tại Quảng Trị; địa chỉ: Số 43 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T; địa chỉ: Lô 77, đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng B - Tổng Giám đốc Công ty; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Văn H; địa chỉ: Lô 77, đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (văn bản ủy quyền số: 129/UQ-CT ngày 31/7/2019); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Quảng Trị; địa chỉ: Lô 12, đường D, phường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C - Giám đốc Chi nhánh là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P trình bày:

Từ năm 2008 đến năm 2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P (sau đây viết tắt là: Công ty P) và Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q (sau đây viết tắt là: Chi nhánh Công ty Giao thông tại Q) đã ký kết 04 hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, cụ thể: Ngày 04/4/2008, ký hợp đồng số 16/HĐKT; ngày 02/02/2009, ký hợp đồng số 12/2009-HĐKT; ngày 01/01/2010, ký hợp đồng số 02/2010/HĐKT và ngày 15/01/2011, ký hợp đồng số 18/HĐKT. Hợp đồng số 16/HĐKT ngày 04/4/2008 phát sinh số tiền mua hàng 65.758.406 đồng, đã thực hiện và thanh lý hợp đồng xong, không có tranh chấp về hợp đồng này.

Ngoài ra cũng trong năm 2009, Công ty P và Xí nghiệp xây lắp 23 thuộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T ký Hợp đồng số 20/HĐMB ngày 03/6/2009 với nội dung bên bán đồng ý bán cho bên mua 300 tấn xi măng Quảng Trị và các thỏa thuận khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 21/3/2009 đến ngày 12/02/2018 Công ty P đã bán hàng và xuất 77 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 9.291.393.083đồng, trong đó: mua bán vật liệu xuất hóa đơn cho Xí nghiệp xây lắp 23 thuộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T 12 Hóa đơn giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là: Hóa đơn GTGT) với số tiền 585.541.247đồng. Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T đã thanh toán đầy đủ đối với 12 hóa đơn này (Hợp đồng số 20/HĐMB ngày 03/6/2009 đã thanh lý, không có tranh chấp).

Đối với 03 Hợp đồng: HĐ số 12/2009-HĐKT ngày 02/02/2009, HĐ số 02/2010/HĐKT ngày 01/01/2010 và HĐ số 18/HĐKT ngày 15/01/2011, từ ngày

21/3/2009 đến ngày 23/8/2017, Công ty P bán hàng vật liệu xây dựng gồm sắt thép, xi măng các loại và vận chuyển hàng hóa cho Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q, đã xuất 65 Hóa đơn GTGT với số tiền 8.705.851.836đồng. Bao gồm các Hóa đơn GTGT như sau:

Hóa đơn số (HĐ số) 0094971 ngày 21/3/2009, số tiền 27.146.280đồng; HĐ số 0094995 ngày 25/4/2009, số tiền 56.948.640đồng; HĐ số 0094998 ngày 06/5/2009, số tiền 445.679.850đồng và HĐ số 0094999, số tiền 97.650.000đồng; HĐ số 0073553 ngày 23/5/2009, số tiền 64.434.601đồng; HĐ số 0073562 ngày 21/6/2009 số tiền 88.621.615đồng; HĐ số 0073577 ngày 29/7/2009, số tiền 102.303.254đồng; HĐ số 0073596 ngày 31/8/2009, số tiền 103.239.900đồng; HĐ số 0029616 ngày 30/9/2009, số tiền 36.940.156đồng; HĐ số 0029630 ngày 31/10/2009, số tiền 88.804.517đồng; HĐ số 0029644 ngày 30/11/2009, số tiền 18.130.921đồng; HĐ số 008022 ngày 29/12/2009, số tiền 906.400đồng và HĐ số 008023, số tiền 39.980.850đồng; HĐ số 0052919 ngày 31/3/2010, số tiền 11.480.634đồng; HĐ số 0052920, số tiền 113.899.286đồng và HĐ số 0052921, số tiền 5.724.180đồng; HĐ số 0052932 ngày 14/5/2010, số tiền 438.482.665đồng và HĐ số 0052933, số tiền 10.330.000đồng; HĐ số 0015257 ngày 19/6/2010, số tiền 340.761.527đồng và HĐ số 0015258, số tiền 9.360.000đồng; HĐ số 0015266 ngày 30/6/2010, số tiền 328.948.720đồng và HĐ số 0015267, số tiền 24.630.000đồng; HĐ số 0015275 ngày 30/7/2010, số tiền 3.990.000đồng; HĐ số 0015273 ngày 31/7/2010, số tiền 128.332.080đồng; HĐ số 0060412 ngày 10/10/2010, số tiền 132.390.550đồng; HĐ số 0060421 ngày 05/11/2010, số tiền 69.788.034đồng và HĐ số 0060422, số tiền 3.620.000đồng; HĐ số 0060428 ngày 22/11/2010, số tiền 141.408.263đồng và HĐ số 0060429, số tiền 1.880.000đồng; HĐ số 0060435 ngày 25/11/2010, số tiền 42.900.000đồng và HĐ số 0064036, số tiền 3.400.000đồng; HĐ số 0069917, ngày 20/12/2010, số tiền 318.882.658đồng và HĐ số 0069918, số tiền 12.165.000đồng; HĐ số 0069926 ngày 31/12/2010, số tiền 55.080.000đồng; HĐ số 0069945, ngày 06/3/2011, số tiền 35.132.813đồng và HĐ số 0069946, số tiền 2.100.000đồng; HĐ số 0095317 ngày 25/3/2011, số tiền 23.370.000đồng và HĐ số 0095318, số tiền 2.300.000đồng; HĐ số 0020760, ngày 30/4/2011, số tiền 173.439.480đồng và HĐ số 0020761, số tiền 5.220.000đồng; HĐ số 0020774 ngày 31/5/2011, số tiền 383.137.480đồng và HĐ số 0020775, số tiền 5.960.000đồng; HĐ số 0020796 ngày 30/6/2011, số tiền 384.496.298đồng và HĐ số 0020797, số tiền 6.349.000đồng; HĐ số 009329 ngày 31/7/2011, số tiền 360.845.156đồng và HĐ số 009330, số tiền 7.600.000đồng; HĐ số 0017656 ngày 31/8/2011, số tiền 317.265.670đồng; HĐ số 0022758 ngày 10/10/2011, số tiền 240.237.760đồng; HĐ số 0022766 ngày 31/10/2011, số tiền 260.597.124đồng; HĐ số 0022799 ngày 30/11/2011, số tiền 86.224.000đồng; HĐ số 0000089 ngày 30/6/2012, số tiền 1.015.116.905đồng; HĐ số 0000090 ngày 30/6/2012, số tiền

36.732.120đồng; HĐ số 0000119, ngày 17/7/2012, số tiền 371.180.583đồng; HĐ số 0000121, ngày 17/7/2012, số tiền 21.787.017đồng; HĐ số 0000197, ngày 20/8/2012, số tiền 336.000.000đồng; HĐ số 0000198, ngày 20/8/2012, số tiền 28.800.000đồng; HĐ số 0000236, ngày 01/9/2012, số tiền 368.896.000đồng; HĐ số 0000264, ngày 30/9/2012, số tiền 28.980.012đồng; HĐ số 0000277, ngày 07/10/2012, số tiền 29.304.000đồng; HĐ số 0000345, ngày 30/11/2012, số tiền 61.510.996đồng; HĐ số 0000346, ngày 30/11/2012, số tiền 800.004đồng; HĐ số 0000383, ngày 06/12/2012, số tiền 30.525.000đồng; HĐ số 0000851, ngày 07/11/2014, số tiền 548.618.532đồng; HĐ số 0001308, ngày 12/7/2017, số tiền 91.080.000đồng; HĐ số 0001323, ngày 23/8/2017, số tiền 74.005.305đồng. Trong đó: HĐ số 0073562 ngày 21/6/2009 số tiền 88.621.615đồng là thay thế cho HĐ số 0073559 ghi ngày 02/6/2009.

Trong số 65 Hóa đơn GTGT, Chi nhánh Công ty Giao thông tại Q đã kê khai hạch toán, khấu trừ thuế đầu vào phù hợp 64 hóa đơn với số tiền: 8.617.230.221đồng. Riêng hóa đơn số 0073562 ngày 21/6/2009, số tiền 88.621.615đồng, Chi nhánh Công ty Giao thông tại Q không kê khai hạch toán, khấu trừ thuế đầu vào mà kê khai hạch toán đối với hóa đơn số 0073559 ngày 02/6/2009, số tiền 88.621.615đồng là hóa đơn đã bị hủy bỏ, thay thế bởi hóa đơn số 0073562. Tại bản tổng hợp tiền mua hàng mà bị đơn giao nộp cho Tòa án cũng đã ghi nhận số tiền 88.621.615đồng của 0073559 ngày 02/6/2009. Hiệu lực của các hợp đồng kể từ ngày ký đến khi hai bên thanh toán dứt điểm công nợ và thanh lý hợp đồng.

Tuy nhiên, quá trình mua bán các bên chưa thanh toán dứt điểm từng hợp đồng hoặc thanh toán dứt điểm cho từng hóa đơn cụ thể. Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T và Chi nhánh Công ty Giao thông tại Q đã thanh toán cho Công ty P bằng 31 Ủy nhiệm chi với số tiền 7.461.459.110đồng. Số tiền còn nợ là 1.244.392.425đồng.

Mặc dù Công ty P ký kết hợp đồng với Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q nhưng đây là đơn vị phụ thuộc của Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T (là pháp nhân của chi nhánh), nên Căn cứ vào khoản 1 Điều 45 Luật doanh nghiệp, Công ty P yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T phải trả cho Công ty P số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng là 1.244.392.425đồng.

Tại phiên tòa ngày 26/11/2019, nguyên đơn xin rút số tiền 88.621.615đồng tại hóa đơn số 0073562 ngày 21/6/2009. Bởi vì, Hóa đơn GTGT này phía bị đơn không kê khai khấu trừ hoàn thuế. Chỉ yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.155.771.111đồng.

Tại phiên tòa ngày 28/4/2020 và ngày 07/5/2020, nguyên đơn thay đổi việc rút yêu cầu: Tiếp tục yêu cầu, buộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán thêm số tiền 88.621.615đồng tại Hóa đơn số 0073562 ngày 21/6/2009. Bởi vì, Hóa đơn GTGT số 0073562 ngày 21/6/2009 thay thế cho Hóa đơn số 0073559 ngày

02/6/2009 nhưng phía bị đơn đã sử dụng hóa đơn bị hủy bỏ số 0073559 để kê khai khấu trừ, hoàn thuế. Đồng thời, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 728.576.150đồng, vì lý do như sau: Giữa Công ty P, Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q và Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q - Xí nghiệp gạch T đối trừ công nợ, theo đó số tiền Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q nợ Công ty P được đối trừ vào số tiền Công ty P nợ Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q - Xí nghiệp gạch T là: 728.576.150đồng. Số tiền này các bên đã thống nhất, không có tranh chấp, nên việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền này là hợp lý.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán số tiền còn nợ là: 515.816.275đồng (1.155.771.111đồng - 728.576.150đồng).

***Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18/10/2019, ngày 26/02/2020 và 23/4/2020, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T trình bày*:**

Theo thỏa thuận tại 04 hợp đồng: Hợp đồng số 16/HĐKT ngày 04/4/2008; hợp đồng số 12/2009-HĐKT ngày 02/02/2009; hợp đồng số 02/2010/HĐKT ngày 01/01/2010 và hợp đồng số 18/HĐKT ngày15/01/2011, giữa Công ty P với Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q đã ký kết. Trong đó, Hợp đồng số 16/HĐKT ngày 04/4/2008 không phát sinh tranh chấp. Trên có sở 03 Hợp đồng số 12/2009-HĐKT ngày 02/02/2009, số 02/2010/HĐKT ngày 01/01/2010 và số 18/HĐKT ngày15/01/2011, từ năm 2009 đến năm 2017, Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q và Công ty P đã phát sinh việc mua bán hàng hóa. Công ty P đã xuất 64 Hóa đơn GTGT và đã được Cục thuế tỉnh Quảng Trị xác nhận hạch toán thuế theo Công văn số: 6471 ngày 22/11/2019 và Công văn số: 6598 ngày 29/11/2019 với tổng số tiền là: 8.617.250.221đồng. Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T và Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q thống nhất toàn bộ số tiền mua bán tại 64 Hóa đơn GTGT nói trên. Đã thanh toán cho Công ty P số tiền 8.341.218.040đồng (theo các hình thức thanh toán), cụ thể như sau:

+ Công ty chuyển trả 22 lần với số tiền 6.577.556.585đồng: Lệnh chi số V467, ngày 08/5/2009, số tiền 543.329.850đồng; lệnh chi số V734, ngày 08/7/2009, số tiền 100.000.000đồng; lệnh chi số V967, ngày 22/9/2009, số tiền 200.000.000đồng; lệnh chi số V1151, ngày 12/11/2009, số tiền 120.000.000đồng; lệnh chi số V104, ngày 25/01/2010, số tiền 120.000.000đồng; lệnh chi số V320, ngày 28/4/2010, số tiền 100.000.000đồng; lệnh chi số V431,ngày 25/5/2010, số tiền 400.000.000đồng; lệnh chi số V577, ngày 06/7/2010, số tiền 300.000.000đồng; lệnh chi số V719, ngày 31/8/2010, số tiền 500.000.000đồng; lệnh chi (UNC) ngày 01/12/2010, số tiền 150.000.000đồng; lệnh chi V88, ngày 21/01/2011, số tiền 594.043.955đồng; lệnh chi

số V478, ngày 04/8/2011, số tiền 300.000.000đồng; lệnh chi số V582, ngày 21/9/2011, số tiền 500.000.000đồng; ngày 07/6/2012, số tiền 500.000.000đồng; lệnh chi số V276, ngày 06/7/2012, số tiền 500.000.000đồng; ngày 13/8/2012, số tiền 400.000.000đồng; lệnh chi số V131, ngày 08/02/2013, số tiền 500.000.000đồng; lệnh chi số V56, ngày 25/01/2014, số tiền 100.000.000đồng; ngày 14/8/2014, số tiền 300.000.000đồng; ngày 30/01/2015, số tiền 300.000.000đồng. Lệnh chi số 73584 ngày 07/8/2009, số tiền 26.934.940đồng; lệnh chi số 8039 ngày 31/12/2009, số tiền 23.247.840đồng nhưng hiện nay Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông Thừa Thiên Huế chưa xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho các Lệnh chi số 73584 ngày 07/8/2009, số và số 8039 ngày 31/12/2009.

+ Chi nhánh chuyển trả theo 11 lệnh chi với số tiền: 934,085,305đồng, cụ thể: Lệnh chi (UNC) ngày 08/5/2009, số tiền 80.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 12/7/2011, số tiền 200.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 29/7/2011, số tiền 50.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 26/6/2014, số tiền 100.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 13/7/2015, số tiền 100.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 04/02/2016, số tiền 100.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 27/10/2016, số tiền 100.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 22/6/2017, số tiền 27.600.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 17/8/2017, số tiền 50.000.000đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 03/11/2017, số tiền 76.485.305đồng; Lệnh chi (UNC) ngày 12/02/2018, số tiền 50.000.000đồng.

+ Thanh toán tiền mặt cho Công ty P là 101.000.000đồng, cụ thể: Ngày 30/6/2012 thanh toán tiền mặt, số tiền: 90.000.000 đồng; ngày 17/3/2017, Công ty P tạm ứng (PC175), số tiền 11.000.000 đồng;

+ Công ty P, Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q và Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q - Xí nghiệp gạch T đối trừ công nợ, theo đó số tiền Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q nợ Công ty P được đối trừ vào số tiền Công ty P nợ Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q - Xí nghiệp gạch T là: 728.576.150đồng, cụ thể: ngày 31/12/2013 đối trừ: 219.388.000đồng; ngày 31/01/2014: 83.355.000đồng; ngày 28/02/2014: 26.565.000đồng; ngày 31/3/2014: 156.112.500đồng; ngày 25/4/2014: 57.130.650đồng; ngày 31/5/2014: 86.025.000đồng; đồng ý việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 728.576.150đồng.

Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T không chấp nhận ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty P đối với Hóa đơn GTGT số 0073562 ngày 21/6/2009 về số tiền 88.621.615đồng. Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T thừa nhận còn nợ và có trách nhiệm trả cho Công ty Phương Liên số tiền là: 276.032.180đồng.

***Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q trình bày*:**

Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q thống nhất hoàn toàn bộ ý kiến trình bày của bị đơn, không bổ sung thêm ý kiến gì.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà quyết định: Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40; Điều 68; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 74; Điều 87; Khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự. Điều 24; Điều 50; Điều 317 và 319 Luật thương mại, xử:

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán số tiền còn nợ tại 65 hóa đơn giá trị gia tăng theo các Hợp đồng số 12/2009-HĐKT ngày 02/02/2009, Hợp đồng số 02/2010/HĐKT ngày 01/01/2010 và Hợp đồng số 18/HĐKT ngày 15/01/2011 là 504.816.576đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền buộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán 11.000.000đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với số tiền 728.576.150đồng.

Ngoài ra bản án có tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/6/2020, bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T kháng cáo bản án sơ thẩm,với các nội dung sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định chứng cứ không đúng quy định của pháp luật số tiền 101.000.000đồng do bị đơn thanh toán cho 65 hóa đơn theo đơn khởi kiện ban đầu không phải thanh toán cho 08 hóa đơn nguyên đơn cung cấp sau này và không thực hiện việc đối chất giữa các cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã kéo dài thời gian xét xử 02 lần xét xử và 02 lần nghị án để nguyên đơn cung cấp bổ sung chứng cứ; việc nguyên đơn cung cấp chứng cứ là vượt quá phạm vi khởi kiện, chưa nộp tiền tạm ứng án phí, không thực hiện đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng trình tự, thủ tục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị: Sửa hoặc hủy một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận 08 hóa đơn mà nguyên đơn cung cấp sau này có giá trị 106.000.000đồng. Bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 414.816.576đồng.

Nguyên đơn đề nghị: Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ, ban hành các văn bản tố tụng, chấp hành thời hạn tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty P ký kết với Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T 04 hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa trong đó yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với 03 hợp đồng là: Hợp đồng số 12/2009-HĐKT ngày 02/02/2009, Hợp đồng số 02/2010/HĐKT ngày 01/01/2010 và Hợp đồng số 18/HĐKT ngày 15/01/2011. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xác định quan hệ: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử thấy:

Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T cho rằng đã thanh toán tiền mặt 90.000.000đồng ngày 30/6/2012 và 11.000.000đồng ngày 17/3/2017. Tại phiên tòa ngày 28/4/2020, nguyên đơn đã xuất trình 08 Hóa đơn GTGT có ghi hình thức thanh toán tiền mặt với tổng số tiền là 106.104.919đồng, nguyên đơn trình bày, bị đơn mới thanh toán được 101.000.000đồng, còn thiếu 5.104.919đồng nhưng nguyên đơn không yêu cầu. Công văn số 1628/CT-TTKT ngày 07/5/2020 của Cục thuế tỉnh Quảng Trị xác nhận 08 Hóa đơn do nguyên đơn xuất trình đã được Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q kê khai khấu trừ thuế, bị đơn cũng thừa nhận người ký tên trong 08 Hóa đơn GTGT nói trên đều là nhân viên thuộc Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng - Giao thông T tại Q. Thấy rằng, chứng cứ mới là 08 Hóa đơn do Công ty P xuất trình để chứng minh cho số tiền 101.000.000đồng được thanh toán cho 08 Hóa đơn GTGT nêu trên. Việc nguyên đơn cung cấp chứng cứ không vượt quá phạm vi khởi kiện, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm Chủ tọa phiên tòa đã tiến hành thủ tục tiếp cận và công khai chứng cứ do bị đơn và nguyên đơn nộp tại phiên

tòa. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng số tiền 101.000.000đồng do bị đơn thanh toán tiền mặt là thanh toán cho một phần số tiền của 65 hóa đơn theo đơn khởi kiện ban đầu, chứ không phải thanh toán cho 08 Hóa đơn GTGT mà nguyên đơn cung cấp sau khi Tòa án cấp sơ thẩm nghị án lần thứ nhất. Đó là những hóa đơn có giá trị nhỏ do các cá nhân của Chi nhánh Công ty tại Quảng Trị nhận hàng và thanh toán bằng tiền mặt nên không lấy giấy biên nhận, cấp sơ thẩm không đối chiếu thông tin và số tiền trên không khớp với bị đơn đã thanh toán, nên bị đơn không chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Thời gian xuất hóa đơn là từ ngày 17/8/2011 đến ngày 10/4/2012, các hóa đơn trên đều ghi thanh toán tiền mặt. Đồng thời, ngày 23/6/2012, Công ty P có phiếu thu số 19 ngày 23/6/2012 ghi nội dung thanh toán tiền mua hàng của Công ty P phù hợp với thời gian ghi trong các hóa đơn có ghi hình thức thanh toán tiền mặt do nguyên đơn xuất trình. Bị đơn cho rằng việc thanh toán cụ thể các hóa đơn ghi thanh toán tiền mặt nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Như vậy, bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền 101.000.000đồng được thanh toán cho một phần số tiền của 65 hóa đơn theo đơn khởi kiện ban đầu nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

Đối với số tiền 11.000.000đồng, Công ty P nhận tiền tại phiếu chi tạm ứng ngày 17/3/2017 của Chi nhánh Công ty Giao thông tại Q là tiền tạm ứng nhưng Công ty P không chứng minh được là đã thanh toán hoàn ứng vào khoản nào nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho bị đơn thanh toán vào số tiền còn nợ của Công ty P. Nội dung này nguyên đơn không có kháng cáo.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T.

[2.3] Về án phí: Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 68; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74; Điều 87; khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự; Điều 24; Điều 50; Điều 317 và 319 Luật thương mại, xử:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P số tiền còn nợ tại 65 hóa đơn giá trị gia tăng theo các Hợp đồng số 12/2009-HĐKT ngày 02/02/2009, Hợp đồng số 02/2010/HĐKT ngày 01/01/2010 và Hợp đồng số 18/HĐKT ngày 15/01/2011 là 504.816.576đồng (*năm trăm lẻ bốn triệu, tám trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng).*

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền buộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải thanh toán 11.000.000đồng *(mười một triệu đồng).*

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với số tiền 728.576.150đồng *(bảy trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi đồng).*

3. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T phải chịu 24.192.663đồng *(hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và số tiền 2.000.000đồng *(hai triệu đồng)* án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đồng *(hai triệu đồng)* đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000598 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà. Công ty Cổ phần xây dựng - Giao thông T tiếp tục nộp số tiền 24.192.663đồng *(hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng)*.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải chịu 550.000đồng *(năm trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.666.000 đồng *(hai mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0000070 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà. Hoàn trả cho Công ty P số tiền 24.116.000đồng *(hai mươi bốn triệu, một trăm mười sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tp Đông Hà;
- Chi cục tp Đông Hà;
- VKSND tp Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Luật